TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM- ST
Ngày: 28 - 3 - 2018
V/v tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

2. Ông Huỳnh Bá Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Sương - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quy- ***Kiểm sát viên..***

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLST- KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: Số 02 L, quận B, TP. Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Dương H- Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng, theo quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên và giấy ủy quyền số 04/GUQ-OIK ngày 01/11/2017 của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T (Đổi tên thành Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV).

Địa chỉ: Số 20/02 đường V, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị T- Chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T (Đổi tên thành Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV). Người đại diện

theo ủy quyền: Ông Trần Văn K- Chức vụ: Phó giám đốc Công ty, theo giấy ủy quyền ngày 31/12/2017 của bà Lê Thị T- Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1 . Sinh năm: 1924; ông Trần Ngọc S1 (C)

Trú tại: Số 20/01 đường V, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

2. NLQ2. Sinh năm: 1954.

Trú tại: Tổ 08, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

3. NLQ3. Sinh năm: 1957.

4. NLQ4. Sinh năm: 1954

Cùng trú tại: Số 09 đường Đ, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- NLQ3 vắng mặt, NLQ4 có mặt.

5. NLQ5. Sinh năm: 1957.

Trú tại: Số 80 đường V, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

6. NLQ6. Sinh năm: 1960.

Trú tại: Tổ 08, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

7. NLQ7. Sinh năm: 1965.

Trú tại: Tổ 08, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

8. NLQ8. Sinh năm: 1967.

Trú tại: Số 20/01 đường V, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- Có mặt.

9. NLQ9

Trú tại: Số 20/01 đường V, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

10. NLQ10.

11. NLQ11. Sinh năm: 1987

Cùng trú tại: Số 20/01 đường V, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng- NLQ10 vắng mặt, NLQ11 có mặt.

12. NLQ12

Địa chỉ: Số 57, đường Q, quận C, TP. Đà Nẵng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2017, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng N ông Phạm Dương H trình bày:

Vào ngày 05 tháng 04 năm 2013 NHNo&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Ông Ích Khiêm Đà Nẵng cho Công ty TNHH T (Đổi tên thành Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) vay theo Hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-

201300063; Hạn mức của Hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300063 là 800.000.000 đồng. Ngày 20 tháng 05 năm 2013 vay theo Hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300097; Hạn mức của Hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300097 là 1.000.000.000 đồng. Ngày 25 tháng 01 năm 2014 vay theo Hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201400028; Hạn mức của Hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201400028 là 600.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc vay của Công ty theo 03 Hợp đồng tín dụng nêu trên là: 2.400.000.000 đồng. (Hai tỉ bốn trăm triệu đồng chẵn).

- Tổng số tiền gốc còn nợ đến thời điểm hiện nay là 2.400.000.000 đồng.

- Mục đích vay vốn: chi phí xăng dầu cho tàu bơm hút cát san lấp mặt bằng

- Thời hạn vay: 12 tháng, đến nay đã quá hạn, vì vậy theo thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH T đã vi phạm hợp đồng.

- Tổng cộng số tiền gốc, lãi đến ngày 12/10/2017: 3.757.765.972 đồng

Trong đó: + Số tiền gốc : 2.400.000.000 đồng

+ Số tiền lãi trong hạn : 972.533.333 đồng

+ Số tiền lãi quá hạn : 385.232.639 đồng

Để đảm bảo cho số nợ vay nói trên Công ty TNHH T đã dùng các tài sản là:

01/ Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số: 3740/11/TC ngày 17/03/2011:

+ Tài sản thế chấp: nhà và đất ở tổ 17 phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

+ Chủ sỡ hữu tài sản: ông Trần Ngọc S1 và NLQ1.

+ Giấy tờ liên quan đến tài sản: Ngân hàng đang giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số AM 125558; số vào sổ cấp giấy H 04432 do UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/03/2008.

+ Hồ sơ bảo đảm tiền vay được phòng công chứng P chứng thực ngày 18/03/2011 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đưng ký quyền sử dụng đất quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng ngày 18/03/2011.

02/ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 3831/05/12 CCTS ngày 11/05/2012:

+ Tài sản thế chấp: tàu bơm cát dạng tháo rời tên T 01; số đăng ký ĐNa-0227.

+ Chủ sở hữu tài sản: Công ty TNHH T

+ Giấy tờ liên quan đến tài sản: Ngân hàng đang giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 24/2009/ĐK do Sở giao thông vận tải Đà Nẵng cấp ngày 24/08/2009.

+ Hồ sơ bảo đảm tiền vay được phòng công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng chứng thực ngày 11/05/2012 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/05/2012.

03/ Hợp đồng thế chấp tài sản số: 22/01/14/TCTS ngày 22/01/2014:

+ Tài sản thế chấp: tàu bơm cát dạng tháo rời tên T 02; số đăng ký ĐNa-0488.

+ Chủ sở hữu tài sản: Công ty TNHH T

+ Giấy tờ liên quan đến tài sản: Ngân hàng đang giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01/2014/ĐK do Sở giao thông vận tải Đà Nẵng cấp ngày 17/01/2014.

+ Hồ sơ bảo đảm tiền vay được phòng công chứng số 3 thành phố Đà Nẵng chứng thực ngày 24/01/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng ngày 24/01/2014.

Trong quá trình vay đến nay Công ty TNHH T chưa trả được số tiền gốc là 2.400.000.000 đồng và chỉ trả được số tiền lãi là 362.338.887 tính đến hết ngày 20/09/2014. Và từ thời gian kế tiếp Công ty TNHH T không trả được nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo sự thoả thuận.

Nay ngân hàng yêu cầu Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng TV phải trả cho ngân hàng số tiền gốc là: 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

Số tiền lãi chậm trả trong hạn và quá hạn cho đến ngày 01/11/2017 là: 1.357.765.972 đồng và phải trả lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả xong nợ.

Đại diện bị đơn ông Trần Văn K trình bày:

Trước đây Công ty TNHH T nay đổi tên thành Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV của chúng tôi có vay của Ngân hàng N- Chi nhánh Ông Ích Khiêm 03 hợp đồng tín dụng có thế chấp tài sản trong đó:

1/ Hợp đồng bảo lãnh tài sản nhà 800.000.000 đồng (nhà và đất của cha mẹ ông tên Trần Ngọc S1 và NLQ1).

2/ Hợp đồng thuế chấp tài sản bằng tàu nạo vét T 1 Đna 0227 với số tiền 1.000.000.000 đồng.

3/ Hợp đồng thuế chấp tài sản bằng tàu nạo vét T 2 Đna 0488 với số tiền 600.000.000 đồng.

Với tổng số tiền vay của 03 hợp đồng trên 2.400.000.000 đồng.

Do làm ăn quá khó khăn nên Công ty của ông chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng được. Nay Ngân hàng N- Chi nhánh Ông Ích Khiêm khởi kiện ông đến Tòa án đòi số tiền 2.400.000.000 đồng tiền gốc, số lãi trong hạn 972.533.333 đồng, tiền lãi quá hạn 385.232.639 đồng. Ông thừa nhận nợ số tiền nợ gốc và lãi như Ngân hàng trình bày trên ông có ý kiến:

Để giải quyết các khoản nợ và lãi vay trên Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng TV của ông có đề nghị như sau: Công ty ông cùng Ngân hàng tìm đối tác để bán tàu T 01 và 02 để thu hồi nợ gốc và lãi. Số tiền dự kiến bán 02 con tàu T 01 và T 02 khoảng 3.850.000.000 đồng.

Về phần hợp đồng được thế chấp bằng quyền sử dụng đất của ông Trần Ngọc S1 và NLQ1 để gia đình họp bàn bạc bán để trả nợ hợp đồng trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ3 trình bày ý kiến: Năm 1984 bà xây dựng gia đình với NLQ4 đến tháng 6/1985 cha bà là ông Trần Ngọc S1 và mẹ là NLQ1 cho vợ chồng bà mảnh đất thổ cư 100m^2 nằm trong thửa đất ở của gia đình, có giấy cho đất viết tay có chữa ký của cha mẹ bà.

Năm 2009 bà tiếp tục mua thêm của ông S1 và NLQ1 01 mảnh đất diện tích đất 60m^2 trong đó có 02 gian nhà cấp 4 đã xuống cấp với số tiền là 130.000.000 đồng, việc mua bán có sự thống nhất của anh chị em trong gia đình, cả 02 mảnh đất đó hiện nay bà đã xây dựng ngôi nhà cấp 4, một nửa cho con gái ở nửa còn lại cho thuê. Mảnh đất đó hiện nay đã được ông Trần Ngọc S1 lúc còn sống bảo lãnh để ông Trần Văn K đem đi thế chấp Ngân hàng trong đó có mảnh đất của vợ chồng bà là không chấp nhận.

NLQ2, NLQ5 và NLQ6 không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ4, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12 đã được tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng các đương sự vẫn không có lời khai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ5, NLQ6, NLQ3, NLQ12, NLQ9 và NLQ10 đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Điều 297 Luật thương mại, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 30, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 30; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; NLQ1, NLQ2, NLQ5, NLQ6, NLQ10, NLQ3, NLQ9 và NLQ12 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng

của Tòa án cho các đương sự đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có nhu cầu vay tiền để thực hiện các hợp đồng kinh tế cho tàu bơm hút cát san lấp mặt bằng nên vào ngày 22/3/2011, Công ty TNHH Toàn Khánh (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) có ký hợp đồng tín dụng số LAV-201100103/HĐTD với NHNo&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Ông Ích Khiêm Đà Nẵng để vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích chi phí mua xăng, dầu, vật tư thực hiện các hợp đồng kinh tế, thời hạn vay 12 tháng, với lãi suất 17,5%năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 26,25%năm.

Đến thời hạn thanh toán nợ thì Công ty TNHH T đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ của hợp đồng tín dụng số LAV-201100103/HĐTD và vào ngày 19/3/2012 Công ty TNHH T tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số LAV-201200069/HĐTD với NHNo&PTNT Việt Nam-Chi nhánh Ông Ích Khiêm Đà Nẵng để vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích chi phí mua xăng, dầu, vật tư thực hiện các hợp đồng kinh tế, thời hạn vay 12 tháng, với lãi suất 18,0%năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 27,0%/năm.

Ngày 05/04/2013 Công ty TNHH T hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ của hợp đồng tín dụng số LAV-201200069/HĐTD và tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300063 và hợp đồng bổ sung số 2007-LAV- 201300146/HĐTD với NHNo&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Ông Ích Khiêm Đà Nẵng để vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích chi phí nguyên vật liệu thi công san lấp mặt bằng gia đoạn 1 công trình khu du lịch biển Cần Giờ, thời hạn vay 12 tháng, với lãi suất 14,0%năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 21,0%.

Tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba gắn liền với quyền sử dụng đất số 3740/11/TC, ngày 17/3/2011 là quyền sử dụng đất, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 08, diện tích 300,0m^2, nhà ở cấp 4, diện tích sử dụng 300m^2, tại tổ 17, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 125558, số vào sổ cấp giấy H04432 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 04/3/2008 đứng tên ông Trần Ngọc S1 NLQ1; trị giá tài sản là 1.080.000.000 đồng. Được Phòng công chứng P, TP. Đà Nẵng công chứng ngày 18/3/2011 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ngũ Hành Sơn ngày 16/3/2011.

Ngày 20/5/2013 Công ty TNHH T tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300097/HĐTD với NHNo&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Ông Ích Khiêm Đà Nẵng để vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích chi phí nguyên vật liệu thi công hút cát lên xà lan tại công trình sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi, thời hạn vay 12 tháng, với lãi suất 12,0%năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 18,0%/năm.

Tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 3831/05/12/CCTS, ngày 11/5/2012 là 01 tàu bơm cát dạng tháo rời do Việt Nam sản xuất năm 2004, vật liệu vỏ thép, tổng công suất 170CV, tên phương tiện T 01, số đăng ký ĐNa 0227 theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 24/2009/ĐK, do Sở giao thông vận tải TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/8/2009 đứng tên Công ty TNHH Toàn Khánh; trị giá tài sản là 3.400.000.000 đồng. Được Phòng

công chứng số 3, TP. Đà Nẵng công chứng ngày 11/5/2012 và đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/5/2012.

Ngày 25/01/2014 Công ty TNHH T tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201400028/HĐTD với NHNo&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Ông Ích Khiêm Đà Nẵng để vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích chi phí nguyên vật liệu thi công san lấp mặt bằng giai đoạn 2 công trình khu tổ hợp dịch vụ tổng hợp kinh tế tại Nghi Sơn Thanh Hóa, thời hạn vay 12 tháng, với lãi suất 11,0%năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 16,5%/năm.

Tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 22/01/14/TCTS, ngày 22/01/2014 là 01 tàu bơm cát dạng tháo rời do Việt Nam sản xuất năm 2002, vật liệu vỏ thép, tổng công suất 850CV, tên phương tiện T 02, số đăng ký ĐNa 0488 theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01/2014/ĐK, do Sở giao thông vận tải TP. Đà Nẵng cấp ngày 17/01/2014 đứng tên Công ty TNHH Toàn Khánh; trị giá tài sản là 1.200.000.000 đồng. Được Phòng công chứng số 3, TP. Đà Nẵng công chứng ngày 24/01/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 24/01/2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng N đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) nhưng Công ty TNHH T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình mà đã vi phạm các cam kết về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng; từ khi vay đến nay Công ty TNHH T đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi. Mặc dù Ngân hàng N đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) vẫn không hợp tác, hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Tính đến ngày 28/3/2018, Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) còn nợ Ngân hàng N số tiền là 3.939.102.083 đồng; trong đó nợ gốc là 2.400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.093.400.000 đồng và lãi quá hạn là 445.702.083 đồng.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) phải trả cho Ngân hàng N số tiền là 3.939.102.083 đồng; trong đó nợ gốc là 2.400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.093.400.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/3/2018 là 445.702.083 đồng; cụ thể số tiền nợ của từng hợp đồng như sau:

- Số tiền gốc 800.000.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 341.466.667 đồng, tiền lãi quá hạn là 157.002.083 đồng). Tổng cộng là: 1.298.468.750 đồng đối với hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300063 ngày 05/04/2013. Tài sản thế chấp là là quyền sử dụng đất, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 08, diện tích 300,0m^2, nhà ở cấp 4, diện tích sử dụng 300m^2, tại tổ 17, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 125558, số vào sổ cấp giấy H04432 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 04/3/2008 đứng tên ông Trần Ngọc S1 NLQ1.

- Số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 505.333.333 đồng, tiền lãi quá hạn là 173.000.000 đồng). Tổng cộng là: 1.678.333.333 đồng đối với hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300097/HĐTD ngày 20/5/2013. Tài sản thế chấp là 01 tàu bơm cát T 01 đứng tên Công ty TNHH T.

- Số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 246.600.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 115.700.000 đồng). Tổng cộng là: 962.300.000 đồng đối với hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201400028/HĐTD ngày 25/01/2014. Tài sản thế chấp là 01 tàu bơm cát T 02 đứng tên Công ty TNHH T.

Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/3/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Nếu Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV)) không trả số tiền trên cho Ngân hàng thì yêu cầu Toà án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Việc Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) xác nhận còn nợ Ngân hàng N số tiền là 3.939.102.083 đồng; trong đó nợ gốc là 2.400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.093.400.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 445.702.083 đồng và xin được cùng Ngân hàng tìm đối tác để bán tàu T 01 và 02 để thu hồi nợ gốc và lãi là đã vi phạm cam kết trả nợ và không có thiện chí trả nợ, mà chỉ nhằm kéo dài thời gian, trì hoãn việc trả nợ gây thiệt hại cho Ngân hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH T được mà cần buộc Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) phải trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng N là hoàn toàn chính đáng.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) là có căn cứ.

[4] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số LAV-201100103/HĐTD ngày 22/3/2011, hợp đồng tín dụng số LAV-201200069/HĐTD ngày 19/3/2012 và hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300063/HĐTD ngày 05/04/2013; hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba gắn liền với quyền sử dụng đất số 3740/11/TC, ngày 17/3/2011 là quyền sử dụng đất, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 08, diện tích 300,0m^2, nhà ở cấp 4, diện tích sử dụng 300m^2, tại tổ 17, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 125558, số vào sổ cấp giấy H04432 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 04/3/2008 đứng tên ông Trần Ngọc S1 NLQ1. Được Phòng công chứng P, TP. Đà Nẵng công chứng ngày 18/3/2011 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ngũ Hành Sơn ngày 16/3/2011.

Hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300097/HĐTD ngày 20/5/2013; hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 3831/05/12/CCTS, ngày 11/5/2012 là 01 tàu bơm cát dạng tháo rời do Việt Nam sản xuất năm 2004, vật liệu vỏ thép, tổng công suất 170CV, tên phương tiện T 01, số đăng ký ĐNa 0227 theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 24/2009/ĐK, do Sở giao thông vận tải TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/8/2009 đứng tên Công ty TNHH T. Được Phòng công chứng số 3, TP. Đà Nẵng công chứng ngày 11/5/2012 và đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/5/2012.

Hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201400028/HĐTD ngày 25/01/2014, hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 22/01/14/TCTS, ngày 22/01/2014 là 01 tàu bơm cát dạng tháo rời do Việt Nam sản xuất năm 2002, vật liệu vỏ thép, tổng công suất 850CV, tên phương tiện T 02, số đăng ký ĐNa 0488 theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01/2014/ĐK, do Sở giao thông vận tải TP. Đà Nẵng cấp ngày 17/01/2014 đứng tên Công ty TNHH T. Được Phòng công chứng số 3, TP. Đà Nẵng công chứng ngày 24/01/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 24/01/2014.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 299, 303 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch là 72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng, đối với số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 299, 303 Bộ luật dân sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV).

Tuyên xử: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ là 3.939.102.083 đồng; trong đó nợ gốc là 2.400.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.093.400.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/3/2018 là 445.702.083 đồng; cụ thể số tiền nợ của từng hợp đồng như sau:

- Số tiền gốc 800.000.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 341.466.667 đồng, tiền lãi quá hạn là 157.002.083 đồng). Tổng cộng là: 1.298.468.750 đồng đối với hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300063 ngày 05/04/2013. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 08, diện tích 300,0m2, nhà ở cấp 4, diện tích sử dụng 300m2, tại tổ 17, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 125558, số vào sổ cấp giấy H04432 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 04/3/2008 đứng tên ông Trần Ngọc S1 NLQ1

- Số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 505.333.333 đồng, tiền lãi quá hạn là 173.000.000 đồng). Tổng cộng là: 1.678.333.333 đồng đối với hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201300097/HĐTD ngày 20/5/2013. Tài sản thế chấp là 01 tàu bơm cát T 01 đứng tên Công ty TNHH T.

- Số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 246.600.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 115.700.000 đồng). Tổng cộng là: 962.300.000 đồng đối với hợp đồng tín dụng số 2007-LAV-201400028/HĐTD ngày 25/01/2014. Tài sản thế chấp là 01 tàu bơm cát T 02 đứng tên Công ty TNHH T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/3/2018) Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba gắn liền với quyền sử dụng đất số 3740/11/TC, ngày 17/3/2011 là quyền sử dụng đất, thửa đất số 59, tờ bản đồ số 08, diện tích 300,0m^2, nhà ở cấp 4, diện tích sử dụng 300m^2, tại tổ 17, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AM 125558, số vào sổ cấp giấy H04432 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 04/3/2008 đứng tên ông Trần Ngọc S1 NLQ1; trị giá tài sản là 1.080.000.000 đồng. Được Phòng công chứng P, TP. Đà Nẵng công chứng ngày 18/3/2011 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ngũ Hành Sơn ngày 16/3/2011. Hiện trạng tài sản gắn liền trên thửa đất số 59, tờ bản đồ số 08, tại tổ 17 phường M, quận N là 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền gạch men, diện tích 150m^2. Trên diện tích có 06 ngôi nhà cấp 4, mỗi ngôi nhà diện tích khoảng 30m^2; 01 cây xoan đào đường kính khoảng 30cm, 02 cây đu đủ đường kính khoảng 20cm, 01 cây dừa có đường kính khoảng 90cm,03 cây xoài có đường kính khoảng 60cm, 01 cây vú sữa đường kính khoảng 50cm, 02 cây mận có đường kính khoảng 20cm, 07 cây mãng cầu đường kính khoảng 10cm, 01 cây chanh đường kính khoảng 10cm, 08 cây mai đường kính khoảng 10cm, 01 dãy trầu, 01 hồ cá cảnh và 02 am thờ.

Tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 3831/05/12/CCTS, ngày 11/5/2012 là 01 tàu bơm cát dạng tháo rời do Việt Nam sản xuất năm 2004, vật liệu vỏ thép, tổng công suất 170CV, tên phương tiện T

01, số đăng ký ĐNa 0227 theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 24/2009/ĐK, do Sở giao thông vận tải TP. Đà Nẵng cấp ngày 24/8/2009 đứng tên Công ty TNHH T; trị giá tài sản là 3.400.000.000 đồng. Được Phòng công chứng số 3, TP. Đà Nẵng công chứng ngày 11/5/2012 và đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 11/5/2012. Hiện trạng thân tàu Tàu Toàn Khánh 01 đã bị chìm dưới nước, chỉ còn 1/3 cần cẩu của tàu còn nhô trên mặt nước.

Tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 22/01/14/TCTS, ngày 22/01/2014 là 01 tàu bơm cát dạng tháo rời do Việt Nam sản xuất năm 2002, vật liệu vỏ thép, tổng công suất 850CV, tên phương tiện T 02, số đăng ký ĐNa 0488 theo giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01/2014/ĐK, do Sở giao thông vận tải TP. Đà Nẵng cấp ngày 17/01/2014 đứng tên Công ty TNHH T; trị giá tài sản là 1.200.000.000 đồng. Được Phòng công chứng số 3, TP. Đà Nẵng công chứng ngày 24/01/2014 và đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 24/01/2014. Hiện trạng thân tàu T 02 đang nằm trên đà còn hệ bơm bùn và hệ truyền động khuấy bùn.

Tất cả các tài sản trên được xử lý theo quy định tại Điều 299, 303 Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 110.782.041 đồng, Công ty TNHH T (Công ty Cổ phần nạo vét và xây dựng công trình TV) phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 53.330.000 đồng theo biên lai thu số 0004471 ngày 25/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND QNHSơn
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lâm